TAND HUYỆN C
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/KDTM
Ngày 29/7/2019
V/v *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Phạm Thị Đỏ
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thể.
- *Đại diện VKSND huyện C tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2019/TLST-KDTM ngày 26/3/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST-DS ngày 25/6/2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2019/QĐST-DS ngày 12/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ sinh học A. Địa chỉ: Lô B02-B03 Khu công nghiệp H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H - Giám đốc Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ sinh học A.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Phi H –Phó giám đốc Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ sinh học A. Địa chi: Lô B02-B03 Khu công nghiệp H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk - (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Anh S và bà Vũ Thị Lệ H. Cùng địa chỉ: Thôn TS, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20/3/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Năm 2015 Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ sinh học A (Viết tắt: Công ty A) nhận ông Lê Anh S làm việc cho Công ty với chức danh Trưởng phòng kinh doanh. Trong thời gian làm việc tại Công ty, ông S có mở đại lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật với tên là cửa hàng APN tại xã E, huyện C cho vợ là bà Vũ Thị Lệ H kinh doanh. Trong thời gian kinh doanh, Công ty A có bán phân bón cho cửa hàng APN, quá trình bán hàng Công ty A cho ông S, bà H nợ một số tiền gối đầu, tính đến ngày khởi kiện (theo hóa đơn, chứng từ) là 149.130.000đ *(Một trăm bốn mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)*. Trong đó: Tiền gốc

145.530.000đ *(Một trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng),* tiền lãi phát sinh 3.600.000đ *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*, lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến thời điểm khởi kiện). Tuy nhiên sau khi kiểm tra lại chứng từ thể hiện ngày 29/12/2018 ông S, bà H đã trả Công ty số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*. Do vậy, Công ty đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*.

Quá trình mua bán hàng hóa đều có các chứng từ giao dịch (phiếu xuất kho và phiếu giao hàng) còn đối với hóa đơn đỏ thì khi nào ông S, bà H yêu cầu thì Công ty A mới xuất. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/11/2018 thể hiện cửa hàng APN còn nợ Công ty A số tiền 148.370.000đ *(Một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)*, phần dưới biên bản thể hiện đã thanh toán số tiền 2.840.000đ *(Hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng),* có chữ ký của bà Vũ Thị lệ H, tại biên bản làm việc ngày 02/01/2019 thể hiện cửa hàng APN còn nợ Công ty A số tiền là 140.530.000đ *(Một trăm bốn mươi triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)*. Thời gian ông S làm việc cho Công ty thì ông S có đơn xin nghỉ việc và Công ty có Quyết định cho ông S nghỉ việc, số tiền còn nợ, ông S và bà H không chịu thanh toán cho Công ty. Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu ông S, bà H trả số tiền còn nợ, cụ thể như sau: Số tiền nợ gốc 140.530.000đ*(Một trăm bốn mươi triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)*; Tiền lãi 1,2%/tháng (lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử 29/7/2019) là 11.242.400đ *(Mười một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng)*.Tổng tiền gốc và lãi: 151.772.400đ *(Một trăm năm mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm đồng)*.

Bị đơn ông S trình bày: Ông S là chủ Cửa hàng dịch vụ nông nghiệp APN (xã E, huyện C), có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật. Ông S thừa nhận là trong quá trình kinh doanh buôn bán, có nợ tiền hàng (phân bón) của Công ty A. Tuy nhiên, số tiền Công ty A khởi kiện vợ chồng ông do số liệu và hóa đơn hàng chưa rõ ràng. Vì Công ty A là một tập đoàn lớn nhưng số liệu bất nhất, không rõ ràng. Cụ thể theo đơn kiện Công ty A khởi kiện yêu cầu ông S thanh số tiền còn nợ là 149.130.000 đ *(Một trăm bốn mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)*, Trong đó: Tiền gốc 145.530.000đ *(Một trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)*, tiền lãi phát sinh 3.600.000đ *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*, lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến thời điểm khởi kiện) nhưng sau đó Công ty A đã rút một phần khởi kiện đối với số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* mà ông S đã trả. Do đó, ông S không tin được số liệu mà Công ty A khởi kiện có chính xác không.

Vì vậy, ông S yêu cầu Công ty A phải xuất hóa đơn (đỏ) cho tất cả các giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty A với Cửa hàng APN thì mới biết rõ được chính xác là vợ chồng ông S còn nợ Công ty A bao nhiêu tiền. Do đó, ông S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Bị đơn bà H trình bày: Bà H là vợ ông S và là Kế toán của Cửa hàng APN nên quá trình mua bán hàng hóa với Công ty A thì bà H có tham gia và ký một số giấy tờ mua bán hàng hóa với Công ty A. Bà H cũng thừa nhận là tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 11/7/2018 bà H có ký còn nợ Công ty A số tiền 148.370.000đ *(Một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)* và phần cuối của biên bản có ghi là đã

thanh toán 2.840.000đ *(Hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)*, còn nợ 145.530.000đ *(Một trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)*. Tuy nhiên, số tiền Công ty A khởi kiện vợ chồng bà do số liệu và hóa đơn hàng chưa rõ ràng. Vì vậy, bà H yêu cầu Công ty A phải xuất hóa đơn (đỏ) cho tất cả các giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty A với Cửa hàng APN thì mới biết rõ được chính xác là vợ chồng tôi còn nợ Công ty A bao nhiêu tiền. Vì vậy, bà H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Lê Anh S và bà Vũ Thị Lệ H phải trả Công ty A số tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty A khởi kiện yêu cầu ông Lê Anh S và bà Vũ Thị Lệ H phải trả Công ty A số tiền mua bán hàng hóa còn nợ; Bị đơn cư trú tại xã E, huyện C; Nguyên đơn là tổ chức có đăng ký kinh doanh, bị đơn có đăng ký kinh doanh. Vì vậy, đây là tranh chấp Kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ mở phiên tòa: Qúa trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng các đương sự không thỏa thuận với nhau được, do đó Tòa nhân dân huyện C phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét về hợp đồng mua bán hàng hóa, HĐXX thấy: Giữa Công ty A với Cửa hàng APN (do ông Lê Anh S đứng tên chủ cửa hàng) đều thừa nhận là có việc mua bán hàng hóa, việc mua bán hàng hóa được thể hiện qua các phiếu giao hàng, phiếu xuất kho và hóa đơn, chứng từ.

Số tiền Cửa hàng APN (do ông Lê Anh S đứng tên chủ cửa hàng) còn nợ Công ty A được thể hiện qua các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/11/2018 thể hiện cửa hàng APN còn nợ Công ty A số tiền 148.370.000đ *(Một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)*, phần dưới biên bản thể hiện đã thanh toán số tiền 2.840.00đ *(Hai triệu tám trăm bốn mươi nghin đồng)*; Biên bản làm việc ngày 02/01/2019 thể hiện cửa hàng APN còn nợ Công ty A số tiền là 140.530.000đ *(Một trăm bốn mươi triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Về quan hệ pháp lý giữa Cửa hàng APN với ông Lê Anh S và bà Vũ Thị Lệ H: Ông S đứng tên là chủ Cửa hàng APN, còn bà H là kế toán Cửa hàng APN, ông S và bà H là vợ chồng. Quá trình mua bán hàng hóa với Công ty A, ông S và bà H đều đứng ra trực tiếp mua bán hàng hóa và ký kết các giao dịch với Công ty A. Do đó, giữa Cửa hàng APN với ông Lê Anh S và bà Vũ Thị Lệ H là quan hệ hợp nhất và giá trị pháp lý như nhau. Vì vậy, Công ty A khởi kiện ông S và bà H trả số tiền còn nợ là phù hợp với quy định pháp luật.

2.2. Xét về yêu cầu tính lãi: Tính đến ngày 01/01/2019, Cửa hàng APN (do ông Lê Anh S đứng tên chủ cửa hàng) còn nợ Công ty A số tiền gốc là 140.530.000đ *(Một trăm bốn mươi triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)*. Tại phiên toà Công ty A yêu cầu tính lãi 1,2%/tháng (lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử 29/7/2019) số tiền lãi Cửa hàng APN còn nợ là 11.242.400đ *(Mười một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng)*.

Tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*".

Như vậy, có cơ sở pháp lý để xác định yêu cầu tính lãi trên số tiền còn nợ tại thời điểm khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

2.3. Xét về Cửa hàng APN (do ông Lê Anh S đứng tên chủ cửa hàng) yêu cầu Công ty A phải xuất hóa đơn (đỏ) cho tất cả các giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty A với Cửa hàng APN: Quá trình mua bán hàng hóa khi nào Cửa hàng APN yêu cầu Công ty A xuất hóa đơn (đỏ) thì Công ty A sẽ xuất cho Cửa hàng APN. Do đó, đây là thỏa thuận riêng giữa Công ty A với Cửa hàng APN nên HĐXX không xem xét vấn đề này.

Từ những căn cứ nêu trên buộc ông Lê Anh S và bà Vũ Thị Lệ H phải trả Công ty A số tiền nợ gốc và lãi là 151.772.400đ *(Một trăm năm mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm đồng)*.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc ông Lê Anh S và bà Vũ Thị Lệ H phải chịu án phí Kinh doanh thương mại có giá ngạch đối với số tiền 151.772.400đ *(Một trăm năm mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm đồng)* x 5% = 7.589.000đ *(Bảy triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng)*

Hoàn trả Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ sinh học A số tiền 3.728.000đ *(Ba triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000530 ngày 21/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155, Điều 156, khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 385, 386, 387, 388, 400, 401 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ sinh học A;

Buộc ông Lê Anh S và bà Vũ Thị Lệ H phải trả Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ sinh học A số tiền151.772.400đ *(Một trăm năm mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm đồng).*

Trong đó tiền nợ gốc 140.530.000đ*(Một trăm bốn mươi triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)*; tiền lãi là 11.242.400đ *(Mười một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng)*.

Kể từ ngày Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ sinh học A có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Anh S và bà Vũ Thị Lệ H không thi hành thì ông Lê Anh S và bà Vũ Thị Lệ H còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Anh S và bà Vũ Thị Lệ H phải nộp 7.589.000đ *(Bảy triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng)* án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ sinh học A số tiền 3.728.000đ *(Ba triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000530 ngày 21/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng